

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29/01/2024
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng,
tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Cẩm Xuyên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Lê Thị Thường**;

2/ Ông **Trần Quang Thái**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Tiểu Ngọc** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lam Em** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 438/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2023 về việc: “*Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/12/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/01/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Th**, sinh năm 1976 (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân Đông, xã Mỹ Phú Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0338049914

2. Bị đơn: Anh **Huỳnh Văn L**, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân Đông, xã Mỹ Phú Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0865770391

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Th trình bày: Chị Phạm Thị Th với anh Huỳnh Văn L chung sống với nhau từ năm 1990, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng có 03 con chung tên Huỳnh Thị Hằng, sinh năm 1992, Huỳnh Thị Dung, sinh năm 1997 và Huỳnh Văn Duy, sinh ngày 28/02/2007. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 1991 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, anh L không quan tâm vợ con, không lo cho kinh tế gia đình, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Dù hiện nay vợ chồng vẫn ở chung nhà nhưng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Văn L. Về con chung: 02 con chung tên Huỳnh Thị Hằng, sinh năm 1992, Huỳnh Thị Dung, sinh năm 1997 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Huỳnh Văn Duy, sinh ngày 28/02/2007, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Huỳnh Văn L: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh L đã vắng mặt không lý do nên không có lời khai của anh L.

Nguyện vọng của con chung: Tại tờ tự khai cháu Huỳnh Văn Duy có nguyện vọng được sống với mẹ.

Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của chị Th, anh L thể hiện tại Công văn số 66/UBND-TPHT ngày 23/11/2023 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phú Đông về việc trả lời kết quả xác minh sổ bộ lưu hộ tịch: “...Qua kiểm tra việc lưu giữ sổ Hộ tịch tại UBND xã Mỹ Phú Đông không tìm thấy sổ bộ lưu đăng ký kết hôn của ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1971 và bà Phạm Thị Th, sinh năm 1976, thường trú ấp Tân Đông, xã Mỹ Phú Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang...”

Tại phiên tòa: Chị Phạm Thị Th vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Huỳnh Văn L vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Về cơ bản vụ án đã được tiến hành đúng theo trình tự pháp luật quy định có đủ cơ sở đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9; Điều 14; Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị

Phạm Thị Th và Huỳnh Văn L. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Văn Duy, sinh ngày 28/02/2007 cho chị Th được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết; 02 con chung tên Huỳnh Thị Hằng, sinh năm 1992, Huỳnh Thị Dung, sinh năm 1997 đều đã trưởng thành nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có nên không xem xét. Về án phí: Chị Phạm Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị Th khởi kiện ly hôn đối với Huỳnh Văn L, tuy nhiên chị Th trình bày vợ chồng chung sống không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Huỳnh Văn L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn. Tại phiên tòa bị đơn anh L vắng mặt không có lý do là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn chị Phạm Thị Th vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp cũng như lời khai của người làm chứng có căn cứ xác định chị Th và anh L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống như vợ chồng, anh chị thường xuyên cự cãi nguyên nhân do tính tình không hợp, anh L không lo cho kinh tế gia đình, chị Th đã cho anh L nhiều cơ hội sửa đổi nhưng không được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc thể hiện bằng việc anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Xét thấy, chị Th và anh L là những người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật đã chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, quan hệ của chị Th và anh L không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và tinh thần hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2020/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 Hội đồng

xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th mà giải quyết không công nhận chị Th và anh L là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Qua chứng cứ chị Th cung cấp cũng như kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thì chị Th, anh L có ba (03) con chung tên Huỳnh Thị Hằng, sinh năm 1992, Huỳnh Thị Dung, sinh năm 1997 và Huỳnh Văn Duy, sinh ngày 28/02/2007. Nhận thấy cháu Hằng, cháu Dung đều đã trưởng thành, chị Th không yêu cầu nên HĐXX không xem xét. Đối với cháu Duy có nguyện vọng được sống với mẹ, chị Th có đủ điều kiện trực tiếp nuôi con chung và có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu, bên cạnh đó trong quá trình giải quyết vụ án anh L không có ý kiến gì đối với con chung. Do vậy, HĐXX áp dụng các Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, giao con chung tên Huỳnh Văn Duy, sinh ngày 28/02/2007 cho chị Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Duy thành niên (đủ 18 tuổi), tự lao động được là phù hợp và đảm bảo được các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển về thể chất, tinh thần, việc học tập, môi trường sống của cháu; Chị Th phải tạo điều kiện cho anh L được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở; Khi cần thiết anh L có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

[5] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận chị Phạm Thị Th và anh Huỳnh Văn L là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị Th được tiếp tục nuôi con chung tên Huỳnh Văn Duy, sinh ngày 28/02/2007. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con chung nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Con chung tên Huỳnh Thị Hằng, sinh năm 1992, Huỳnh Thị Dung, sinh năm 1997 hiện nay đều đã thành niên và không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động hoặc không có tài sản để tự nuôi mình và các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Huỳnh Văn L do chị Phạm Thị Th không yêu cầu. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các đương sự có thể yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Th trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Tuy nhiên, sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Phạm Thị Th và Huỳnh Văn L phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0012101 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Như vậy, chị Th đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm. Anh Huỳnh Văn L không phải chịu án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND xã Mỹ Phú Đông, h. Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Cẩm Xuyên